

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 56/2024/DS-ST

Ngày 31/7/2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG, TỈNH BẠC LIÊU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Thanh Tồn

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Trần Văn Phước;

2/. Bà Dương Thị Tú Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Lý Thị Nhiên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2024 về “*Tranh chấp đòi tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 233/2024/QĐXX-ST ngày 26 tháng 6 năm 2024, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 13/2024/QĐST-DS ngày 12/7/2024 và Thông báo thay đổi ngày xét xử số 42 ngày 18/7/2024 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ông **Bùi Văn D**, sinh năm 1982;

Địa chỉ: **ấp T, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.**

2/. Bị đơn: Bà **Nguyễn Minh H**, sinh năm 1981;

Địa chỉ: **ấp V, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.**

Ông **D** và bà **H** có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông **D** trình bày: vào ngày 23/8/2022 cá nhân ông có cho cá nhân bà **Nguyễn Minh H** vay số tiền nợ gốc 7.000.000 đồng, không có thỏa thuận về lãi suất nhưng bà **H** nói khi nào trả tiền gốc sẽ cho tiền lãi để cho tiền con ông đi học nhưng không có nói là bao nhiêu, theo thỏa thuận thời gian trả tiền cho ông là khoản 15 ngày kể từ ngày nhận tiền, do ông không biết chữ nên nhờ người khác đánh máy Giấy vay tiền trả góp ghi ngày 23/8/2022, có ông lặn tay và bà **H** ký tên vào. Khoản 1 tháng, kể từ ngày vay tiền ông có đến nhà bà **H** đòi tiền nhiều lần nhưng đến nay bà **H** chưa trả cho ông số tiền gốc, tiền lãi nào. Vào ngày 22/11/2022 ông có chở bà chị tên **Nguyễn Thị U** đến trụ sở **ấp T, xã H, huyện P** để giải quyết tranh chấp tiền với bà **Nguyễn Thị Q**, khi đó giấy tờ của bà **U** do ông giữ, để chung với các giấy tờ của ông, khi đang hòa giải thì chính quyền kêu lấy giấy tờ của bà **U** ra, ông móc ra nhưng do không biết chữ nên đưa nhầm giấy vay tiền trả góp của ông với bà **H** bản gốc ra thì bà **Q** chụp xé trước mặt tổ hòa giải của **ấp T, xã H, huyện P**, sau đó ông có yêu cầu Tổ hòa giải xác nhận cho ông. Nay cá nhân ông đến Tòa án yêu cầu cá nhân bà **Nguyễn Minh H** trả số tiền vay 7.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi.

Bị đơn bà **Nguyễn Minh H** trình bày: vào ngày 23/8/2022 cá nhân bà có vay của cá nhân ông **Bùi Văn D** số tiền gốc 7.000.000 đồng, thỏa thuận mỗi ngày trả tiền gốc và tiền lãi là 380.000 đồng, thời gian trả là 25 ngày, việc vay tiền có làm Giấy vay tiền trả góp ghi ngày 23/8/2022 có bà ký tên vào phần người vay, sau khi bà trả tiền góp cho ông **D** xong thì ông **D** giao bản gốc Giấy vay tiền trả góp ghi ngày 23/8/2022 lại cho người quen của bà tên **Q**, còn họ tên địa chỉ thì bà không rõ nhận, sau khi nhận xong thì chị **Q** xé bỏ, sau đó một thời gian sau vào khoản tháng 10 năm 2023 thì ông **D** đến nhà bà đòi nhiều lần, chưởi thề nên bà có báo **Công an xã V, huyện P** thì ông **D** kiện bà đến nay. Nay bà không đồng ý trả cho ông **D** số tiền 7.000.000 đồng.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Về thủ tục tố tụng, quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Bùi Văn D**. Buộc bà **Nguyễn Minh H** có nghĩa vụ trả cho ông **Bùi Văn d** số tiền 7.000.000 đồng. Về án phí bà **H** phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông **Bùi Văn D** khởi kiện bà **Nguyễn Minh H** đòi tiền còn thiếu; khi thụ lý vụ án xác định tranh chấp đòi tài sản, quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ xác định “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”; bà **Nguyễn Minh H** có địa chỉ cư trú tại **ấp V, xã V, huyện P** nên căn cứ vào các Điều 26, 35 và 39 của Bộ luật tố

tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Ông **Bùi Văn D**, bà **Nguyễn Minh H** đều thừa nhận vào ngày 23/8/2022 cá nhân ông **D** có cho cá nhân bà **H** vay số tiền nợ gốc 7.000.000 đồng, lời thừa nhận của ông **D**, bà **H** là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Tuy nhiên, ông **D** xác định không có thoả thuận tiền lãi vay, bà **H** chưa trả cho ông số tiền nào; còn bà **H** xác định vay trả góp mỗi ngày trả số tiền 380.000 đồng, trả 25 ngày và bà đã trả tiền cho ông **D** xong, sau khi trả tiền xong thì ông **D** giao bản gốc Giấy vay tiền trả góp ghi ngày 23/8/2022 lại cho người quen của bà tên **Q** (tại phiên tòa bà **H** xác định tên **Nguyễn Thị Q**, nhà ở **ấp T, xã H, huyện P, tỉnh Bạc Liêu**), sau khi nhận xong thì chị **Q** xé bỏ.

[2.3] Tại lời khai ngày 18 tháng 7 năm 2024 bà **Nguyễn Thị Q** trình bày “Trước đây bà **Q** có vay tiền của ông **D** nên bà có gặp bà **H** 1 lần, cách đây khoảng 15 ngày bà **H** có vào nhà bà kêu bà làm chứng cho bà **H** thì bà có nói với bà **H** là việc bà **H** vay tiền, trả tiền cho ông **D** như thế nào thì bà **Q** không rõ sao kêu bà làm chứng,.. và từ trước đến nay bà **H** cũng không có gửi cho bà **Q** số tiền nào để trả cho ông **D** và ông **D** cũng chưa lần nào gửi cho bà giấy vay tiền của bà **H** để trả cho bà **H**”.

[2.4] Xét thấy, việc cá nhân bà **H** có vay tiền của ông **D** số tiền nợ gốc 7.000.000 đồng có làm Giấy vay tiền trả góp ghi ngày 23/8/2022 có ông **D**, bà **H** ký tên, lãn tay là có diễn ra trên thực tế được cả ông **D**, bà **H** thừa nhận. Ông **D** xác định bà **H** chưa trả tiền vay, còn bà **H** xác định đã trả tiền cho ông **D** nhiều lần xong nhưng bà không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ về việc trả tiền cho ông **D**; bà **H** xác định do đã trả tiền xong nên ông **D** gửi cho bà **Nguyễn Thị Q** giấy vay tiền của bà và bà **Q** đã xé bỏ, tuy nhiên qua xác minh bà **Q** thì bà **Q** không thừa nhận sự việc như bà **H** trình bày.

[3] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Bùi Văn D**. Buộc bà **Nguyễn Minh H** có nghĩa vụ trả cho ông **D** số tiền 7.000.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà **Nguyễn Minh H** phải chịu theo quy định pháp luật.

Xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 280 và 288 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Bùi Văn D** đòi bà **Nguyễn Minh H** trả tiền vay gốc số tiền 7.000.000 đồng.

Buộc bà **Nguyễn Minh H** có nghĩa vụ trả cho ông **Bùi Văn D** tiền vay gốc số tiền 7.000.000 đồng.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà **Nguyễn Minh H** phải chịu án phí giá ngạch số tiền 350.000 đồng. Ông **Bùi Văn D** đã tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng tại biên lai số 0006516 ngày 26 tháng 12 năm 2023 sẽ được hoàn lại tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt các đương sự, báo cho các đương sự biết là có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể tòa tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Quách Thanh T